

GỐC TÍCH

CÁC CHÚA TRỊNH

và một bức thư nôm của

TRỊNH KIỂM

HOÀNG XUÂN-HÂN

■ TRUNG-HƯNG THẬT-LỤC.

Trong các vị vua chúa sáng-nghiệp trong lịch-sử Việt-Nam, Trịnh Kiểm hẳn là người có khoảng đời hàn-vi độc-đáo. Thế mà trong khoảng chừng mười năm, từ địa-vị cố-cùng can-phạm, đã vượt lên đến hàng một đại tướng (được ban tước Dực quận-công năm Kì-hội 1539) Rồi sáu năm sau, chiếm hết quyền văn vũ, sau khi kẻ đỡ đầu mình, Nguyễn Kim, đã bị một viên hàng-tướng đầu độc (năm Ất-tị, 1545). Biết đâu trong vụ này, không có tay ngầm của Trịnh Kiểm. Tuy bấy giờ chỉ lấy danh *thái sư LANG quốc-công*, nhưng kì thật đã nắm hết quyền-bính như một chúa-tề (Sau khi Mạc bỏ Thăng-Long, con là Trịnh TÙNG mới tự tôn là chúa vào năm Kì-mùi 1599).

Các sử-gia, khi chép gốc-tích vua chúa, thường tìm kiếm hoặc bịa đặt những điều linh-dị để xác chứng cái thuyết thiên định hoặc đức tin vào sự điềm lành. Nhưng đối với họ Trịnh, họ không giấu cái gốc hàn-vi ti-tiền. Ngay như các sử thần dưới triều Lê Trịnh cũng đã công-nhiên chép sự ấy rõ ràng. Trong triều chúa Tây Trịnh TỶ (1657 — 1682), các sử-thần dưới sự giám-sát Duệ quận-công HỒ SĨ-

DƯƠNG (1) đã chép trong sách Đại-Việt Lê triều đế vương TRUNG HUNG công nghiệp thật lục (2) đoạn dịch sau này về Trịnh Kiểm:

Vương người huyện Vĩnh-phúc, làng Sáo-sơn (cũng đọc Sóc-sơn). Tăng tổ là Trịnh LIỄU; nhà nghèo, ham học, tích đức, làm việc nghĩa. Họ hàng khen hiếu, làng xóm khen đức. Xa gần nghe tiếng, ai là không kính mộ đức của ông. Một hôm trời cho ông được một ông thầy địa giới, táng được phúc-địa. Sau đó, ông dời đến ở làng Biện-thượng; lấy vợ họ Hoàng-Thị đậu tam trường. Được hơn ba năm mới sinh Trịnh LAN. Trịnh Lan làm điều thiện không mỏi, nhân hậu có thừa; lại lấy vợ họ Hoàng ở làng Biện-thượng, sinh Trịnh LẬU. Trịnh Lậu lại hay mở rộng lòng nhân, chăm làm việc phúc; lấy vợ ở huyện Yên-định, xã Vệ-quốc, Hồ-thôn, cũng họ Hoàng, sinh Trịnh Kiểm (tức là Thái vương).

Vương sinh ra thông-minh, biết rộng, không phải người thường vì kịp. Lúc mới sáu tuổi, cha mất sớm. Cùng mẹ, trở về quê tổ (Sáo-sơn). Đến năm lên chín, chẵn trâu ở núi Phụng-sơn. Có khi trộm được gà vịt thì đem đến đó mà ăn; kết-tập mục-đồng, luyện tập thành cơ ngũ. Người ta lấy làm lạ. Đến năm mười bảy tuổi, hùng-dũng hơn người, trí lược khác thường. Xã nhà sợ sẽ thành kẻ trộm cướp, nhiều lần muốn làm hại để tránh họa đến sau.

Bấy giờ ở làng Biện-thượng có tôi nhà Mạc, Ninh-bang hầu, sai chăn ngựa. Được cấp cơm áo, lấy nuôi mẹ Vương hằng ngày tập cưỡi,

(1) Hồ Sĩ-Dương (1622 — 1681). Người xã Hoàn-hậu, huyện Quỳnh-lưu, Nghệ-an. Năm Ất-dậu 1645, đậu giải-nguyên trường Nghệ-an. Năm 1648, đi thi hộ người khác, bị tội phải sung quân. Ba năm sau lại được phép thi hương trở lại. Thi lại đậu. Năm sau (1652) đậu tiến sĩ, sau lại đậu kỳ thi đặc-biệt gọi là thi Đông-các. Năm 1673, làm chánh-sứ đi Thanh. Khi về, được coi ti làm quốc-sứ, sung chức tham-tụng, kiêm Đông-các, được phong tước Duệ quận-công (Đăng khoa lục, quyển 3/17b).

(2) Sách này sẽ gọi tắt là *Trung hưng thật lục*. Chép công-trạng các chúa Trịnh «phù Lê-hoàng» từ năm 1533 đến năm 1675, đang đời Trịnh Tộ. Nay còn bản in có tựa đề năm đầu Vĩnh-trị (1676). Sách gồm bốn phần: tựa (4 tờ), quyển một 20 tờ, quyển hai 12 tờ và quyển ba 19 tờ. Giúp Hồ Sĩ-Dương có hai quan bồi-tụng là: trạng-nguyên Đặng Công-Chất (khoa thi Tân-sứ 1661) và Đào Sĩ-Chính bằng-nhãn cũng cùng khoa ấy. Cả hai người đều có đi sứ Thanh.

rất tinh nhận được ngựa hay Bèn trộm lấy một con, mà trốn đi tới sách Cồ lũng thuộc huyện Cầm-thủy. Ninh-bang hầu đem chuyện mách họ Mạc. Mạc sai binh đi tìm; nhiều lần không bắt được. Bấy giờ, vương lên theo Hưng quốc công Nguyễn KIM

Công thấy chi khi có đại-lược, trao cho tước Dực-nghĩa hầu, kiêm coi cơ kị mã Cấp cho lương thực, đãi rất hậu. Lại đem con gái trẻ gả cho . . .

Nói tóm lại, khi trẻ, Trịnh Kiểm mồ-côi cha sớm, nhà rất nghèo. Làm nghề chẵn trâu. Tính ngang-tàng, ưa trộm cắp. Trong sách Lịch triều Hiến-chương, Phan Huy-Chú lại chép rằng :

Trịnh Kiểm lúc hàn-vi nghèo túng, thường đi ẵm trộm để nuôi mẹ (Nhân vật chí - Bản dịch, Xuất-bản Sử-học, Hà-nội, Tập I, trang 175).

Huy-Chú có ý bào chữa cho Trịnh Kiểm để người sau tha thứ cho Trịnh Kiểm cái « thành tích bất hảo » kia. Theo tôi, Trịnh Kiểm ăn trộm, không những chỉ vì nghèo túng. Động-cơ chính là tính bất-kham. Sau khi xét thân thế y, ta sẽ thấy rõ rằng Kiểm thật không chịu ở yên, chịu thế-thường ràng buộc. Vì vậy, y không ngần-ngại làm những việc phi-pháp, tức phi-thường. Sự ấy xui ra khi đã có chỗ làm ăn yên ổn với Ninh-bang hầu, mà vẫn còn trộm ngựa tốt mà trốn. Chắc không phải vì danh nghĩa phù Lê đâu, như sau sẽ thấy. Chỉ vì tính ngang-tàng, thích phiêu lưu hành động. Lại thêm có óc lãnh-tự, lắm thủ-đoạn « gian-hùng ». Gặp được cơ-hội Nguyễn Kim cần người giúp rập, cuộc khởi nghĩa cần tay táo-bạo, Trịnh Kiểm ra tài hùng-đũng, thỏa chí phiêu-lưu.

■ TRỊNH GIA THỂ PHẢ.

Tâm-lí ấy, tính-tình ấy của Trịnh Kiểm, ta sẽ thấy rõ hơn sau khi đọc một bản gia-phả họ Trịnh mà nay còn thấy. Bản này chép rất rõ-ràng về khoảng đời hàn-vi của Kiểm, nó khẳng-định những lời Trung hưng thật lực đã chép. Hơn nữa, chuyện có chép rất nhiều chi-tiết về bản thân Trịnh Kiểm và về một số người đương thời, làm ta có thể hiểu thấu tâm-lí họ, tập-tục tín-ngưỡng họ một phần nào.

Cái quý hơn cả là một bức thư bằng chữ nôm, nguyên lời của Trịnh Kiểm dặn-dò gia-thuộc về mọi việc cải táng một phần của tổ-tiên mình. Tuy trong khi sao chép nhiều lần bởi những người không từng nghĩ tới ngữ-học, nhiều chữ chắc đã bị sửa hay lầm, nhưng một toàn thể gồm hơn năm trăm chữ kia giúp ta biết mộ phần nào lời nói của Trịnh Kiểm và rộng ra, việt-ngữ cách nay chừng bốn trăm năm.

Sau đây tôi sẽ dịch nguyên-văn đoạn chép về thân-thể Trịnh Kiểm, và tôi sẽ phiên âm và hiệu chú bức thư nôm. Trước đó tôi hãy giới-thiệu qua bản gia-phả ấy.

Đó là bản TRỊNH GIA THỂ PHẢ, mà tôi đã được thấy lần đầu ở Thanh-hóa, nhưng không thấy bức thư, và sau thấy bản sao đề ở thư-viện *Đông-phương Bác-cử* (A1821) toàn bích. Tôi đã nhờ người sao lại (3).

Trên tờ đầu có chép rõ rằng: *Gia-Long nguyên niên Bít nguyệt thập. . . nhật Bản tộc quyền thủ viên bản chi thân diệt TRỊNH CƠ thừa soạn.* 本族權守員本支親姪鄭機承撰.

(Năm đầu đời Gia-Long 1802 tháng tám, ngày mười. . . cháu diệt người quyền coi việc thờ tự chi này họ ta, là Trịnh Cơ, vâng lời soạn).

Tóm tắt đại-cương sách, thì phần đầu sách chép về tổ tiên họ Trịnh gần như trong *Trung hưng thực lục*, rồi đến thân thể Trịnh Kiểm trước khi tông sự Nguyễn Kim. Phần này là phần chính. Phần giữa chép những chi-tiết có tính-cách gia-đình của các vương phi từ Trịnh Kiểm đến Trịnh-Bồng, gồm những thời-điểm sinh, lập, mất, những tên tôn, thụ, và địa-điểm lăng phần. Phụ vào phần giữa, có chép tên và tôn hiệu của các vương-tử. Phần cuối là bảng kê theo thứ tự tháng ngày trong năm những lễ kỵ và sinh ở « chính cung », nghĩa là của các vương phi, và những lễ thường-xuyên khác.

(3) Thư-viện ĐPBC còn có nhiều quyển gia-phả họ Trịnh nữa: Trịnh vương phả kí (676), Trịnh gia phả kí (2492), Trịnh thị kim-giám thật lục (2395), Trịnh thị thế phả (541) và Trịnh thị gia phả (39, 767, 808, 1321). Ông Trịnh Như-Tấu có xuất-bản một tập gia-phả họ Trịnh.

Trước bảng kê này, tác-giả có tóm-tắt thế-hệ mình và giải thích có sự kí-tài ấy, bằng những lời (dịch) sau :

Trên đây, kể từ Thế-tổ Thái vương (Trịnh Kiểm) sinh hạ các vị vương, công, tống cộng được chín mươi bảy chi. Ngoài ra còn có những dòng-chi (dòng cùng họ nhưng khác gốc)... và họ Trịnh Vinh được ban quốc-tính... cộng thành chín mươi chín chi. Từ một chi kể trước, thật còn chín mươi một (?) chi.

Từ họ nhà phủ Lê hoàng đến nay gần ba trăm năm, lâu đời cách diển, đến năm Bình-ngọ, Cảnh-hưng thứ bốn mươi bảy (1786), ngày tháng sáu, vì quốc-biến (Quân Tây-sơn chiếm Thăng-Long và đóng ở phủ chúa mà chúng đốt trước lúc rút lui về Nam) mà chính-bản thế-phả để trong hòm vàng cất trong phủ chính bị thất lạc.

May thay ! Trời giúp nên công. Năm Nhâm-tuất (1802), ngày tháng sáu năm đầu niên-hiệu Gia-long, đại-giá bắc-phạt, lấy lại kinh thành. Đợi nhớ đến họ thông-gia, nhà Vua bèn chiếu đòi (người họ Trịnh) tới, và sứ c báo đem thế-phả tiến lên xem. Lại sức biên và báo tên người họ ta, đòi chỉ-trưởng và người các chi ấy thân tới đầu phục, và đem gia-phả chi mình hội trình.

Họ ta và viên nợ còn số Thế-gia sự-tích. Từng tờ từng chữ đem trình, chữa lại cho đúng mà soạn thành một tập chuyện xưa, dùng để lại đời sau hưởng lâu dài...

Vậy theo lời Trịnh Cơ thuật lại trên, thì nhân khi Gia-Long đem quân đuổi Bảo-hưng, đóng doanh ở Thăng-Long, vua mới ra lệnh cho họ Trịnh trình thế-phả, cho nôm mới theo một bản cũ mà soạn bản này.

Mà quả thật vậy. Theo Đại-nam thật-lục chính biên Đế nhất kỉ thì tháng sáu năm Nhâm-tuất (1802), Gia-Long tới Thăng-Long.

Tháng bảy... Sai chọn người dòng-dõi họ Trịnh để coi việc thờ cúng họ Trịnh. Trước khi đại-giá bắc phạt, người họ Trịnh đều sợ bị giết. Vua hiểu rõ tâm tình, hạ chiếu dụ rằng : « Tiên-thế ta với họ Trịnh vốn có nghĩa thông-gia. Trong khoảng trung-gian, Nam Bắc chia đôi, dần thành ngăn rẽ. Đó là việc đã qua của người trước, không nên nói đến nữa. Ngày nay, Đàng trong Đàng ngoài thành một nhà. Nghĩ lại mỗi tình

thích-thuộc tự bao đời, thương người còn sống, nhớ người đã khuất. Nên lấy tình hậu mà đối xử. Vậy nên ta báo cho hay. Hãy họp lại; chọn lấy một người tộc-trưởng mà giữ việc thờ cúng, để giữ tình nghĩa đời đời' (Quyển 18. Xem bản dịch của Xuất-bản Sử-học Hà-nội, tập III, trang 48, 49).

Đến tháng chín, cấp ruộng thờ (500 mẫu) cho họ Trịnh, sai Trịnh TU coi giữ việc thờ cúng. Lại tha binh đao và thân-thuế cho 247 người họ Trịnh (Bản trên, trang 75, 76).

Những sự kể trong chính-sử khiến ta tin lời Trịnh Cơ chép trong lời bạt dẫn trên, và chắc rằng bản *Trịnh gia thế phả* này có căn bản đáng tin cậy.



DỊCH PHẦN ĐẦU TRỊNH GIA THẾ PHẢ

Sau đây là lời tôi dịch. Nguyên-văn không chia đoạn, không chấm câu. Muốn mạch lạc rõ ràng, tôi sẽ chia đoạn, và thêm tiêu-mục. Thỉnh-thoảng tôi lại chú-thích vắn-tắt bằng câu đặt trong cặp dấu ngoặc đơn. Những chú-thích dài thì sẽ để làm cước-chủ.

■ TRỊNH LIỄU VÀ MỒ PHÁT TÍCH.

Ở lộ Thanh-hóa (4) phủ Thiệu-thiện, huyện Vinh-phúc, xưa là Vinh-ninh, sách Sáo-son, *Trịnh LIỄU* lấy vợ họ Hoàng — khuyết tên —. Cha, tên *Trịnh KI*, mẹ họ Hoàng — khuyết tên —. quê ở sách ấy. Gia-tư nghèo đói. Đời nhà tôi chốn *Eo Mực* (4) ở sách nhà, làm nghề bán nước chè cho khách để kiếm ăn.

(4) Các tên đất thấy trong *Thế-phả* này phần lớn nay còn trọn vẹn, hoặc đã bị đổi một phần vì có sự duyên-cách phần lớn vì kiêng húy các vua chúa. Sau đây là một vài thí-dụ:

Lộ Thanh-hóa là tên có từ đời Trần, sau có lúc đổi làm trại, làm phủ, làm đạo. Năm 1469, đời Lê Thánh-tông mới đổi tên ra Thanh-hoa. Tên ấy giữ mãi cho đến năm đầu Thiệu-trị (1840) mới đổi lại Thanh-hóa, vì húy mẹ vua.

Huyện Vinh-ninh có tên ấy trước năm 1533. Vì kiêng tên Lê Trang-tông, tên đổi ra Vinh-phúc. Có lẽ trong đời Tây-son, cũng vì tị húy mà đổi ra Vinh-lộc.

Một hôm, ông đi cày ở đồng trong núi. Đến chỗ *Vực Tôm*, gặp một ông già hơn chín mươi tuổi, sắc mặt sáng tươi, thần thể thanh tú. Già ấy hỏi ông nhà (Tr. Liễu) rằng : « Tiên-sinh người đâu, họ gì ? Cày ruộng chẵn trâu ở núi mà lại siêng học hành thế nhỉ ! »

Ông nhà đáp : « Tôi quán ở Sáo-sơn. Từ nhỏ mồ-côi, nghề đoi. Vốn thích sách vở ».

Trong khi trò chuyện, không dè mặt trời đã gác núi. Ông nhà bèn mời già về nhà nghỉ lại một đêm. Khi tới nhà, thì thấy mấy gian lợp lá, một cái chõng tre. Ông nhà mời già lên giường ngồi, kính cần đem mời ăn cơm sơ-sài nhạt-nhẽo.

Già khen ông nhà có đức ; bảo ông rằng : « Lão đây vốn sành phong-thủy, thấy trong đất sách này, chỗ *Nanh Lợn*, có một huyết có khí quý. Táng đó thì bốn đời sau phát vương ».

Ông nhà nghe nói liền mừng. Theo lời, đem hài cốt cha mẹ nhờ già lập hướng mà táng. Táng xong bèn về. Đêm ấy trời đất chuyển động, mưa gió nổi to. Già hỏi : « Ông có dám đi thăm huyết không ? » Ông nhà đáp : « Có ».

Bèn cắp dao đi thẳng đến chỗ ấy. Thấy điềm lạ làm sợ hãi ; bèn trở về. Già hỏi : « Ông có thấy gì không ? ». Ông nhà đáp : « Bốn bề đen tối, trong mộ thì có sáng như có ánh trăng. Xa trông

Tên làng *Biện-thượng* sau đời Tự-đức đổi ra *Bồng-thượng* cũng vì tội húy. Tên làng *Đông-biện* cũng bị đổi, có lẽ nay là *Đông-tinh*.

Tên làng *Yên-việt* đã bị đảo lại thành *Việt-yên*. Không hiểu rõ vì có lẽ gì mà nhiều tên có tiếng *Yên* đứng đầu đã bị đảo như thế, ví dụ xứ *Yên-quảng* thành *Quảng-yên* ngày nay.

Tên làng *Sáo-sơn* cũng thường nghe đọc *Sóc-sơn* đúng như trong tự-điền *Khang-hi*. Nhưng trong bản-đồ của cục *Họa-đồ Đông-dương* thì tên làng là *Sáo-sơn*.

Những tên như *Yên-định*, *Vệ-quốc*, *Hồ-thôn*, *Vệ-hoàng*, *Cầm-thủy*, *Cổ-lũng*, *Yên-mộ*, *Bồ-xuyên*, *Yên-trường*, *Vạn-lại*, *Thọ-liêu* vẫn còn.

Những tên núi thì thường tên quan-danh và tên chúng-danh thường khác, nên ít thấy như trong các bản-đồ mới.

thấy có rỗng đen nằm áp lên trên ».

Già nói : « Rỗng vàng là đế. Rỗng đen là vương. Nhà ông này tích lại âm-công ; Trời giáng phúc cho đó ».

Ngày hôm sau, ở chỗ mộ còn thấy dấu rỗng nằm, làm gãy đẹp cây cỏ chung quanh đến một mẫu.

Già bấy giờ thứ đòi lễ vật. Ông nhà bán hết cả ruộng vườn mới được bảy mươi ba quan cõ-tiền (một nghìn đồng tiền), soạn-sửa đưa biểu già. Ông nhà lại hỏi : « Âm-địa đã xong ; còn dương-trạch (nhà ở) thì đặt chỗ nào ? ». Già biết lòng ông nhà thành, bèn mách cho một cuộc ở xã *Biện-thượng*, chỗ *Ngõ thẳng*. Cuộc đất này thì phía sau có núi *Hoành* làm thế *Huyền-vũ*, phía trước có núi *Viễn-triều* làm thế *Chu-tước*, phía tả có hình cờ lớn, phía hữu có hình gươm dài, trên lưng có hình mệnh-ấn ; chốn ấy có thể dựng nhà ở, tọa *Quý*, hướng *Đinh* (5).

Già lại mách : « Ở núi *Hùng linh*, chỗ *Mã cũ*, có thể làm thọ-phần (mộ) ».

Nói xong, già từ già lên đường. Ông nhà tiễn đi cùng. Đến chỗ *Cờ-dải* (hoặc *Cờ-đái*) thuộc huyện *Tống-son*, thì thành-linh mưa gió ào tới, mù xuống mờ-mịt. Lão biến mất, không biết là đi đâu. Bấy giờ mới biết ấy là thần tiên đã hiện ra, đặc-biệt đến dâng phúc. Bời thế, về sau, cứ chỗ đất này lập đền thờ, truy phong tôn hiệu là *Tống thiên-vương*. Hằng năm có đặt bài-vị thờ ở bên tả sân Phủ (phủ chúa *Trịnh* ở *Thăng-Long*) mà cáo tế.

■ TỪ TRỊNH LIỄU ĐẾN TRỊNH KIỀM.

Lại nói nối chuyện *Trịnh-LIỄU*. Ông cùng anh em gánh tiền (nguyên đã biểu cho già) mà trở về. Theo lời dặn, tới *Biện-thượng* dựng nhà ở. Sau đó, đi thi hương-tuyển đậu tam trường. Ông tự

(5) Đoạn này tả địa-hình theo thuật phong-thủy : những cồn đất hoặc núi chung quanh một địa điểm được coi như những vật, những dụng cụ nó có ảnh hưởng đến người ở trên đám đất ấy hay là người có mã tổ tiên ở chỗ ấy. Ví-dụ núi là bức bình, dải đất là cờ, là kiếm. Thế *Huyền-vũ* là bức bình ở phương bắc ; thế *Chu-tước* là bức bình ở phía nam. *Mệnh-ấn* là mô đất hình vuông...

bỏ nhà ở chỗ Eo Mực tại Sóc-sơn mà tới ở Biện-thượng. Chỉ được ba năm (thì mất).

Con là *Trịnh-LAN* 欄, lấy vợ họ Hoàng, người xã Biện-thượng. Sau sinh *Trịnh-LÂN* 欄, là con thứ. Lân lấy vợ họ Hoàng, quán huyện Yên-định, xã Vệ-quốc, Hồ-thôn (4).

Sau, Lân sinh bốn trai. Con thứ ba tức là *Trịnh-KIỀM* 檢. Còn con đầu, thì là *Trịnh-THỰC* 祿, tức là ông *Phúc-nguyên*, sinh ra *Trịnh-QUANG* 光, sau được phong tước Phong quốc-công Vì gia-trưởng đại-tộc có nhiều công-lao sau con cháu được nối quản-lĩnh đội Phụng Nhất, coi miếu Chính-cung (nhà thờ chính họ Trịnh ở trong phủ chúa) và phủ-từ (nhà thờ) Cầu Mộng (một cửa Thăng Long).

■ TRỊNH KIỀM TRỘM TRÂU.

Lại nói đến chuyện ông nhà Trịnh Kiềm. Lúc vừa lên sáu, cha mất sớm. Ông cùng mẹ lại về tổ-quán ở Sóc-sơn. Đến năm lên tám, chín tuổi, rèo trâu ở núi Phụng; cùng trẻ chăn trâu chơi đùa, kết thành đội ngũ, luyện tập ở núi như thế binh cơ. Hoặc khi trộm được gà vịt, thì cho mực-đồng ăn uống.

Một hôm, ông bảo mực-đồng đều sắp xếp đủ các đồ dao giắt lưng, nồi muối, cùng nhau tới phần đất Yên-việt, chỗ Đâu-Voi, trộm lấy một con trâu nái. Rồi ở trong núi đốt lửa, làm thịt trâu để khao mực-đồng.

Trong làng, có một người đi hái củi về, qua chốn ấy, thấy trong núi có khói lên; bèn vào xem, thì bất ngờ trông thấy vậy. Các trẻ đều sợ chạy. Chỉ một mình ông Trịnh Kiềm nhà ta ngồi nghiêm chỉnh như thường, sắc mặt không đổi. Người kia hỏi duyên-cớ (sự giết trâu). Ông nói: « Con trâu này bị gãy chân, cho nên có việc giết trâu ăn thịt này ».

Người ấy bắt lấy tang vật, giặc ông về đình-trung, họp làng lại (để xử). Có kẻ bảo đem nhận nước giữa sông. Có kẻ nói nên đem kiện đề quan ti trừng trị. Trong đó, có một người bảo rằng: « Chuyện này không phải là chuyện chim, chuyện muông. Bất quá ta (chỉ) bắt khoán đề răn nó ».

Các kẻ khác cũng bằng lòng bắt tộc-thuộc và mẹ đẻ, rồi đuổi ông đi ở đất khác. Ông bảy giờ 16 tuổi (năm 1518).

Từ đó phiêu-cư ở làng *Bồ-xuyên* (6) tại huyện *Yên-mô* (thuộc Ninh-bình ngày nay) ; ở trọ được kẻ nhà giàu Đến năm hăm bốn tuổi (1526) thì cưới vợ — có kẻ nói là họ Trần, tên *Ngọc Linh* (7) — rồi lưu ở đó. Sau không biết tăm-tích bà ra sao. Nay tạm giữ tên lại để làm ghi.

■ TRỘM NGỰA NINH-BANG HẦU.

Trong khoảng niên-hiệu *Thống-nguyên* (em *Lê Chiêu-tông*, do *Mạc Đán-Dung* đặt lên thay anh đã bỏ Kinh-thành trốn *Mạc*) năm *Đinh-hợi* (1527), họ *Mạc* đã tiếm ngôi *Lê*. Bảy giờ *Lê* có bảy-tôi tên *NGUYỄN KIM*, quê ở huyện *Tống-sơn*, trang *Gia-miêu-ngoại*, ngầm rút về sách *Cồ-lũng* huyện *Cầm-thủy*, mộ quân đánh *Mạc*.

Tướng-quân nhà *Mạc* là *NINH-BANG HẦU*, họ *Lê*, -quan xã *Biện-thượng* tiến phát quân về đóng ở phần đất huyện *Vĩnh-ninh*. Mẹ già (*Trịnh Kiểm*), là bà họ *Hoàng*, thân tới xin đem con đến làm gia-thần, đề ứng việc quân, may chi lập chút công danh. *Ninh-bang hầu* mừng, nạp nhận

Trước hết, ông *Trịnh Kiểm* nhà thừa với mẹ già xin đi tới nhà họ *Trần* ở *Bồ-xuyên* đem vợ con về.

Ninh-bang hầu có trại ruộng vừa mua được ở sách *Thọ-liêu* ; cho ông ở đó cày và chăn. Ông nuôi trâu ngựa. Hằng ngày tập cưỡi ngựa. Ông rất tinh về ngựa hay. Nhân đó, trộm lấy ngựa hay mà trốn sang huyện *Cầm-thủy*. Ấy vì ông có người anh họ, trên *Trịnh Quang* — tức là *Phong* quốc-công (Theo đoạn trên thì *Quang* là con anh cả của *Kiểm*) — trước đó đã theo *Nguyễn Kim* ở sách *Cồ-lũng* và đã đón mẹ ông (*Tr. Kiểm*) để cấp cơm áo.

(6) Xem các địa-điểm trên bản-đồ phụ.

(7) Tên các con gái vua chúa xưa đều đặt chữ *Ngọc* đứng trước. Hình như vợ các vương công cũng vậy. Vợ *Trịnh-Kiểm* là *Ngọc-Bảo*, con *Nguyễn-Kim*. Vợ *Trịnh Tùng* là *Lại-thị Ngọc-Nhu*, con gái *Lại Thế-Khanh*. Vợ *Trịnh Tráng* là *Nguyễn-thị Ngọc-Tú*, con gái *Nguyễn Hoàng*... Đây, tên *Ngọc-Linh* có lẽ sau khi *Trịnh-Kiểm* hiển đạt rồi mới đặt.

Ninh-bang hầu được tin ông đã trộm ngựa tốt của mình mà bỏ trốn; bèn mách với Mạc. Mạc sai đuổi bắt. Ông trốn tại xã Yên-định ở nhà tên Nữu.

■ MẸ GIÀ BỊ GIẢN NƯỚC.

Trước đó, người ở trai tới trình với Ninh-bang hầu rằng ông lấy trộm ngựa hay và bỏ đi đã nhiều ngày không thấy trở về. Ninh-bang hầu tìm bắt mẹ già ông. Mẹ già trả lời : « Sinh con ai nữ sinh lòng ! »

Ninh-bang hầu dụ rằng : « Phải ! Mày thả cho về tìm Trịnh Kiểm và đem ngựa đực trả lại. Như thế, mày sẽ được thưởng. Nếu không thì sẽ đuổi tìm bắt không tha ! »

Bà khéo lời vâng mệnh mà về. Tìm được người có nghĩa cũ, nhờ báo tin cho ông và bảo : « Quả thật, ta đã tìm được kẻ thoát vẹn toàn. Đừng lo đến mẹ già nữa ; hoặc có thể trở ngại công việc đó ».

Ông được tin ấy. Đêm, ngấm về nhà người cậu ở *Hồ-thôn* (quê mẹ — xem trên), ý muốn đem trẻ già (vợ con và mẹ) cùng đi tránh họa. Kịp đến khi nghe tin ông đã về, mẹ liền gấp tới nhà người cậu

Bấy giờ, có kẻ khác ngấm mách Ninh-bang hầu. Hầu liền mật sai hai xã Sóc-sơn, Biện-thượng đem trai áp đến rình bắt. Khi ấy xã-trưởng xã Biện-thượng, là người trong họ, tới nhà ông Lang. Thấy mẹ con ông ở hiên sau đang bắt rận, lập-tức lấy hòn đất ném vào. Ông ngoái cổ (nhìn), thì thấy ông Lang nhiều lần nháy mắt làm hiệu. Ông hiểu rằng có điều gì khác ý, liền chui qua mấy tầng rào mà chạy trốn đến nhà tên *Nhà Nữu* (8) ở xã Yên-định. Người này rất có lòng lành, muốn làm kế cho ông thoát nạn. Y bèn mở kho thóc, bó thóc lên, (rồi) lấy cái bồ nan nhỏ, giấu ông ở trong ; bên trên lấy lúa che kín.

(8) *Nhà Nữu* : tiếng nhà đặt trước tên không có nghĩa nhà ở. Đó là một lối xưng hô một người quen biết, xưng hô một cách không khinh không trọng.

Lúc ấy, người hai xã lũng tìm trong nhà ngoài vườn, đầu cũng không thấy tung-tích. Chúng bắt được mẹ già, điệu về giam lại.

Bấy giờ, có kẻ quen ông trước, gốc *Chiêm-Thành* (9), ở *Biện-thượng*, tên là *Vũ Thi-An*, vợ là *Phan Thị-Man* sinh được hai trai; *Vũ Đình-Tung* và *Vũ Thi-Lương*. Người ấy động lòng vì tình bạn cũ, tìm tới xã Yên-định. Đầu tiên, ông hơi nghi, nên lánh mặt. *Vũ Thi-An* chỉ trời, thề rằng: « Nếu tôi ở hai lòng thì Trời sẽ giết ». Nghe tiếng nói, ông mới nhận đó là bạn cũ; bèn dám ra mặt để trò chuyện. Cha con *Thi-An* xin cùng ông đồng tâm kiệt lực.

Đêm ấy, ba cha con y đưa ông đến sách *Cồ-lũng*. Khi y trở về thì thấy *Ninh-bang* hầu đã sai xã *Sóc-sơn* đan lồng tre nhốt mẹ già ông, rồi bỏ tảng đá lớn vào trong mà ném xuống bến sông ở chỗ *Tiền-đình*.

■ BẠN GIÚP TẮNG MẸ.

Thi-An tức-thị sai *Đình-Tung* đang đêm đi sách *Cồ-lũng*, vượt một mạch tới báo cho ông (biết) ngày ấy, ngày ấy, có chuyện thế này, thế này...

Nghe xong câu chuyện, ông khóc xót không dừng; than rằng: « Việc đã dường này, trả lời làm sao? Người làng ta sao mà nhẫn tâm phụ bạc với ta như vậy. Ngày sau, nếu ta thành nghiệp lớn, thế sẽ không về làng cũ nữa (10) ».

Ông quay lại dặn *Đình-Tung* rằng: « Ta cùng cha con này, đã như gan với mặt, đối nhau như thế, thì ta không nên nói nhiều lời. Ông ta tức là ông này (thành-ngữ, lời *Lưu Bang*, *Hán Cao-tổ*) ». Nhờ dùng đủ mọi cách mà tìm xác mẹ già ta. Cốt làm sao chôn giấu chỗ kín cho được. Ngày sau, Trời sẽ giúp ta thành công; thì công này chẳng nhỏ. Mày muốn gì tha hồ, ta sẽ cho ».

(9) Các tù-binh *Chàm* từ đời *Lý* đến đời *Lê Thánh-tông* phần lớn được phân-cư vùng *Nghệ-an*, *Thanh-hóa*. Nay còn có những vết tích hoặc trong gia-phả, hoặc trong tục truyền. Những hệ tượng Phật còn thấy ở chùa *Báo-ân* ở *Thanh hóa* chắc là thợ *Chàm* trang-sức (Xem sách *Lí Thường-Kiệt* của tôi, trang 441).

(10) Sau khi đã được phong tước, *Trịnh Kiểm* đóng doanh phủ ở làng *Biện-thượng*, chứ không ở *Sóc-sơn*.

Đình-Tung trở về đến nhà, mách chuyện lại với cha Thi-An bèn thuê người xã Yên-lão giả đi dọc sông thăm dò, thì quả thấy thủy nổi lên ở bến sông Biện-thượng, chỗ Quai-vạc.

Bấy giờ, có người đánh cá quán ở Đông-biện, tên là An-Đương sáng sớm ra ngoài (sông), thấy thủy nổi gần chỗ ấy. Nó về báo người làng; toan sửa-soạn cuộc xuống đi ra chôn. Khi ra đến chỗ ấy thì vừa đúng giờ Ngọ. Thành-linh thấy mối đùn lấp kín, đã thành mồ. Người ta đều cho đó là một sự lạ xưa nay (hiếm có). Há chẳng phải Trời xui ra sao! Tiếng đồn rộ gần xa.

Thi-An lại sai hai con đến xã Cồ-lũng, đem việc ấy mật báo với ông. Ông nói: «Tuy đó là điềm lạ tốt, nhưng nếu cứ dề (mồ) yên ở chỗ ấy, thì ắt chúng (Mạc) sẽ biết; sợ có sự đáng lo sau. Không bằng hãy trở về chóng mà ngầm lấy xác, đưa đến chỗ vắng, chôn giấu cho kín».

Rồi thì, bọn Đình-Tung trở về. Đêm ấy, lúc người ta ngủ say rồi, chúng bèn chính-bị đòn thừng và chiếu mới, ngầm lấy xác mẹ già (Trịnh Kiềm), bọc kín cẩn-thận. Các con hỏi đem đi đâu. Thi-An bảo: «Điềm tốt rất lạ; (như thế), thì động đến ắt người ta sẽ biết. Ta muốn tìm chỗ nào gần. Sợ ngày mai có kẻ thấy đã dòi, thì sự-cơ bị lộ, và lời ủy thác sẽ không thề mong thành được. Thà rằng chịu khó nhọc một chốc, may khỏi sự lo gấp tới. Bất quá ta sẽ theo đường núi Đườnng Cán mà đi là phải đó».

Bọn cha con Thi-An gánh gồng đi đến chân núi. Phải chẳng Trời đem tốt đến, chứng tỏ lòng thành. Chợt gặp hồ đứng giữa đường. Chúng kinh ngạc, sợ run; bèn chạy băng ruộng khô, thẳng tới xứ Đồn Rạng, tức là ở đầu phần đất thôn Yên-việt. Thành linh nghe như có một tiếng sấm nổ. Một khối tròn sáng từ đất bay lên trời. Chỗ ấy sáng như có bóng trăng mờ. Thi-An nhắm chỗ đất ấy mà táng.

Xong xuôi rồi bèn về. Thi-An lại sai hai con trai đi tới Cồ-lũng mách ông rành rành mọi việc. Ông bảo Đình-Tung rằng: «Nay ta rất rõ rằng cha con mày quả thật có tình cố-cựu. Ta cảm bội khôn xiết. Các phần mộ (họ ta) ở quê nhà, thì đều ủy thác cho mày hết thảy».

Bọn Đình-Tung kính-cần chịu lời mà về.

■ THEO NGUYỄN KIM LẬP ĐƯỢC CÔNG DANH.

Đường-huynh (anh về họ mẹ) Thi-An là *Phong-lộc hầu Trịnh Cơ* đưa ông sang theo *Hung quốc-công Nguyễn KIM*, gửi thân theo giúp việc.

Một tối, ông nằm hóng gió mát. Đêm im lặng. Ông đánh một giấc trên chõng tre. Nguyễn Kim không ngủ; rảo bước dạo chơi đêm, ngầm thăm trong doanh. Công (Nguyễn Kim) ngóng thấy trong tàu ngựa có ánh sáng hồng, bèn đề chừng đến chỗ ấy xem. Đến nơi thì thấy ông nhà đang ngủ say; trên mặt có ánh sáng như có đuốc soi. Công bèn nghĩ đoán rằng đó là tượng đế vương. Hôm sau, Công triệu ông nhà tới, cho quân đội ngựa.

Từ đó, Nguyễn Công thấy ông có anh khí, bèn cấp cho binh mã. Ông luyện-tập binh cơ, rồi đem quân đóng đồn lũy ở sách *Vạn-lại*. Kéo quân đánh Mạc, một trận đã thắng to.

Nguyễn Công đem con gái, tên là Nguyễn Ngọc-Bảo (6), gả cho ông, và giao cho ông các việc quan-trọng của vua và nước. Mỗi lúc ông đem quân đánh Mạc, thì không bận nào là không thắng. Tiếng ông nổi rầy bốn phương Gần xa hưởng ứng. Hào kiệt qui phụ. Từ đó, nhà Lê cố thủ đất Thanh-hoa, cùng Mạc cự chiến; nhuệ-khí càng mạnh... (11)

Ông tới huyện Phụng-hóa (Vùng Nho-quan ngày nay), giết đồ-đảng *Côn-mang* (Mường Côn?) không sót đứa nào. Nguyễn Công lại sai ông nhà qua nước Ai-lao đón vua Nguyên-hòa (Lê Trang-Tông). Vua thấy ông trạng mạo phi thường, ủy cho tiết-chế, ban cho tước Quận-công. Bảy giờ ông 37 tuổi (*Đại Việt Sử-kí toàn thư* chép năm Nguyên-hòa thứ bảy — Kỉ-hợi 1539 — vua phong đại tướng quân Trịnh Kiểm làm Dực quận-công)

Ông trở về làng cũ mở tiệc đặt yến, bái tạ lãng mộ. Bảy giờ thái-úy Dương quốc-công (?) có ruộng; ao, nhà, đất mới mua ở xã *Yên-hoàng*, đem dâng. Ông mới dựng doanh, nhà ở; trừ dưỡng cung nữ, làm hành tại để khi qua lại trú nghỉ.

(11) Trong đoạn này, bản sao hình như có sót, hoặc xáo trộn một số câu.

■ TU CHÍNH MỘ PHẦN.

Phàm mỗi khi đến ngày lễ bái ở lăng, từ, hoặc đến tiết lễ khác, thầy thầy ông trở về doanh này, phát cỗ bàn, thiết sĩ tốt.

Sau lại lập các phủ-từ ở Sóc-sơn, Biện-thượng, Vệ-quốc. Lại đặt ngự-phủ ở các xã Yên-định, Yên-hoàng để làm nơi phụng sự gốc nhà.

Bấy giờ có thầy tướng địa giỏi người nước ta. Ông nhờ thầy đặt sửa lại các phần mộ từ năm đời ở chỗ Mã-cũ. Lại nhờ xét lại mộ mẹ già — tức là Tuấn-đức phu-nhân — ở xứ Đổng Ráng tại thôn Yên-việt; thì (thấy) quả là đã được huyết-mạch của một cuộc đất lớn. Bèn tu-chính đề y nhiên.

(Về việc này) còn đủ bài chỉ truyền do long-bút (bút của đức Thái-vương Trịnh Kiềm) thảo, sẽ chép phụ sau.

CHỈ TRUYỀN (Nguyên-văn bằng chữ nôm. Xem bản sao ở phụ-trương)

Chỉ truyền Thám-thọ cùng Nhân-lộc, Thuần-tín dâng :

Việc tở đã chất (a) cùng Trời Đất, cùng Tở Tiên, đã tốt lành mọi lẽ. Việc tở nhậm hành cho chúng người về đây tở được cậy. Người thế làm cho tận trung nghĩa, làm sao cho nhà tở đôi truyền hưởng phúc muôn đời. Đã mượn cần-thận nhậm sự; đã suất định nơi mã, bi giới phụ Tở (b). Dùng (c) xây mã Tở một bên, mà dùng về bên tả. Mà điềm huyết thì (d) đặt la-kinh (e) cho chính phương hưởng. Xem định ban ngày; dựng dấu cho minh.

Người cho cần mật. Chờ đến giờ Hội; khi đến thì làm việc tở mượn. Người đã biết việc. Dù Thầy (h) cũng vậy, dù kẻ Báo (i), Kẻ Sóc cũng vậy, đến đây đêm hôm, chớ cho biết là đâu; mới yên lòng tở. Tở đã tin dùng. Người phải vâng lời cần-thận cho lắm, để tở được cậy. Việc là can-hệ, chẳng phải chơi đâu.

Mà người khi cải hành, phải cắt kẻ nhậm sự cho nên lên đường Long-tụ hội (k) mà cải. Mà người dùng cùng quân phủ nhà người (l) đi cùng.

CHI - TRUYỀN

(nguyên văn, bằng chữ nôm do TRỊNH-KIỆM viết)

bản sao của Hoàng Xuân-Hãn

旨傳探壽共仁祿純信等役佃屯質共丞坦共祖先屯卒齡每生理役佃任行朱
眾的術帝佃特恹的芳少牢朱尽忠義的牢朱如佃唯傳享福閱茂色曼
謹慎任事屯率定尼孺碑界附祖用磋孺祖没边席用術边左麻點穴辰
達羅經朱正方向貼定般駟預踰朱明的朱謹密除典徐亥欺典時夕役佃
搜的色別役油紫拱丕油几報几架拱丕典帝瞻景渚朱別罪兇買安恚佃
佃色信用的沛啞唵謹慎朱夥底佃特恹役罪干係拯沛制兜席的欺改行沛
割几任事朱穢違塘竟聚令席改席的用共管府茹的移共正役辰曼的據
暴亥席的貼銅臺朱正徐席的密行謹慎朱穢役仕登塘辰賒佃色信用的
拐芳弟朱謹慎拯沛斯席傳唵移吏事時默的料用每生理朱論院卒齡朱佃
恹若朋開殯替棺辰特祭寅駟仁允安葬時仕特身徐亥塘辰賒的料朱及
犀買穢役每役正行的特心牢固埃帝共菜罵朱埃別渚朱詳事理辰買安恚佃
金銀礼物佃任行朱席的沛拐油祭告役之時以加厚來重厚席的齋戒至敬
朱信役正用時用丐相鑊心意丐狀改葬丕塘賒佃色安恚任事恹用油以役輓
輓的沛拐節次席用行仍役用芳弟或罪覺現或罪祥瑞僥仍調之或欺替棺材形骸
色消化休弟朱歇每生理時默的用行席編沒詞陳事寔朱歇情弊輓輓每唵詳
尽明白來役時朱罪急朱佃特別朱安恚佃席的別暫於吏貼以匹駕馭朱安每理外
莊迓駟朱變化院醫芳弟咳固信罪朱恚佃吠芳弟時的仕登朝的貼謹慎朱恚
佃朱佃恹貝如坦改術坦辰吏还帝

墓傳

黃春瀚手抄

Chính việc thì mượn người cứ giờ Hợi. Mà người xem đồng-hồ (m) cho chính giờ. Mà người mặt hành cần-thận cho nên việc sẽ ra. Đường thì xa; tờ đã tin dùng; người nghĩ thế nào cho cần-thận, chẳng phải gần, mà truyền lời đi lại. Sự thì mặc (n) người liệu dùng mọi lẽ chờ trọn vẹn tốt lành, cho tờ cây.

Nhược bằng khai thẩn thế quan, thì được giờ dần ngày hai chín (o). An táng thì sẽ đợi (giờ) Hợi (p). Đường thì xa; Mặc (n) người liệu cho kịp giờ mới nên việc. Mọi việc chính hành, người giữ làm sao cho ai đầy, cùng thầy (h), mữ (q) cho ai biết. Chớ cho tường sự lý thì mới yên lòng tờ.

Kim ngân lễ vật, tờ nhậm hành cho. Mà người phải nghĩ dù tế cáo việc chi, thì làm gia hậu cho trọng hậu. Mà người trai-giới chớ kính cho tin (r).

Việc chính, dùng thì dùng cái gỗ vàng-tám (s): Ấy cái trạng cái táng, vậy (t) tờ đã yên lòng nhậm sự cây dùng. Dù làm việc, trước sau, người phải nghĩ tiết thứ mà dụng hành. Những việc dùng thế nào, hoặc là mộng hiện, hoặc là tường thuy thấy những điều chi; hoặc khi thế quan tài, hình hài đã tiêu hóa thế nào; cho hết mọi lẽ (u), thì mặc (n) người dụng hành (c) mà biên một tờ trần sự thật cho hết tình-tệ, trước sau mọi lời tường tận minh bạch. Rồi (x) việc thì cho ra kịp; cho tờ được biết, cho yên lòng tờ.

Mà người biết (y) tạm ở lại xem làm ba giá ngựa (z), chờ yên mọi lẽ. Ngoài năm mươi ngày, cho biến hóa vẹn vẽ. Thế nào hãy cố tin ra cho (yên) (v) lòng tờ dạy. Thế nào thì người sẽ ra châu.

Người xem cần thận cho (yên) lòng tờ, cho tờ cây. Với như đất cái về đất (w) thì lại hoàn đầy.

Tự truyền (g).



■ VÀI NHẬN XÉT ĐỐI VỚI CHỈ TRUYỀN.

Đặc-điểm của bài chỉ truyền không những là lời bằng quốc-

âm, (12) vì trái với điều nhiều người tưởng, trong thời Hán-học, quốc-âm hay được dùng trong thực-tiến. Nhất là trong thời loạn, những kẻ chức-trách phần lớn không phải nho-gia, không phải văn-nhân. Sự lạ hơn là bài ấy đã tồn tại đến ngày nay, tuy nó không có tính-cách văn-chương một chút nào, mà cũng không có tính-cách long-trọng như những lời thề của Lê Lợi mà tôi đã trình.

Nó chỉ có tính-cách gia-đình, khiến ta không có lí-do gì nghi ngờ nó không xác-thật. Nhưng bị sao đi sao lại, chắc có nhiều chữ sai, có chữ sót. Tôi đã nhận được một số sai sót mà tôi sẽ nêu sau. Vả chẳng, văn ta đời trước không hề chấm câu. Sự ấy khiến thêm hồ-đồ. những câu đặt đã không gãy-gọn.

Sau đây tôi hiệu chú một vài điểm.

Chỉ truyền là lời vua chúa ban xuống ngỏ một ý gì. Đây Trịnh Kiểm gửi chỉ cho ba người thân-tín mà y đã sai về quê lo việc cải táng tổ tiên. Không biết rõ ba người ấy, Thám-thọ, Nhân-lộc và Thuần-tín là ai. Chắc đó là ba hiệu tước mà thôi. Phải chăng đó là ba cha còn Vũ Thị-An (xem trên) ?

(a) *Chất* : nguyên viết chữ *Chất*, cũng đọc *chí*. Đọc theo tiếng chữ hay tiếng nôm cũng không thấy rõ nghĩa lắm. Hoặc là lấy nghĩa *minh ước*, thề hẹn và tiếng ấy xưa hay dùng.

(b) Câu này khó chấm, khó phân tích. Tôi nghi có chữ sót và chữ sai. Nghĩa có lẽ là : đã định chia phần đất chỗ xây mộ, chỗ dựng bia.

(c) *Dùng* : nghĩa xưa là làm. Cũng nói *dụng hành*.

(d) Trong bản sao, chữ *Thì* có chỗ viết tránh húy vua Tự-Đức, nhưng có chỗ không. Vả chữ *Nhậm* cũng húy vua Tự-Đức thì không

(12) Trước khi nhóm *tu sử* viết *Trung-hưng thật-lục*, chính theo Hồ Sĩ-Dương thì đã có bản cũ bằng quốc-ngữ, nghĩa là bằng nôm kê công các chúa Trịnh. Trong lời tựa, Sĩ-Dương có viết : « Công đức rất là rực rỡ, từ xưa nay dằng chưa từng có. Nếu không chép vào sách, thì lấy gì mà được biết rõ để cho người đời sau xem chẳng? (vương) bèn sai chúng tôi lượm lặt trong lục cũ bằng quốc-ngữ (thái dĩ quốc-ngữ cựu lục 採以國語舊錄, tham khảo các sách *Quốc sử tục-biên*, soạn làm sách *thật lục* ».

hề tránh. Thế chứng rằng kẻ cuối sao bài này viết sau đời Tự-Đức nhưng theo một bản cũ hơn.

(e) *La-kinh*: địa-bản dùng đề nhằm hướng. Cũng nói la-bản.

(g) *Dự*: dự bị ghi lại.

(h) *Thầy*: Nguyên ở chỗ này viết chữ *Từ* là tia; trong khoảng dưới có viết chữ *Thất* kép. Chắc cả hai nơi đều chữ *Sài* đọc *thầy* 崇. Trò thầy địa. Vả trong *Gia-phả*, có nói đến thầy tướng địa người Việt được Trịnh Kiểm mời cải táng tổ tiên.

(i) Nguyên viết « dù kẻ báo kẻ Sóc cũng vậy ». Không rõ nên chấm câu ra sao. Không lẽ bấy giờ Trịnh Kiểm còn sợ có kẻ mách chuyện với xã Sóc-sơn. Vậy tôi hiểu *Kẻ Báo* trở một làng nào đó cũng như *Kẻ Sóc* trở Sóc-sơn.

(k) Câu này chằm khó. Phải đọc *tự-hội* liền nhau chẳng? *Long* hoặc *Long-tự* là đất nào?

(l) *Quản phủ nhà người*: trở người coi phủ nào?

(m) Xưa dùng bình đồng đựng nước, có lỗ ở đáy cho nước chảy từng giọt để tính giờ. Vì vậy dụng-cụ đo thời-gian gọi là đồng-hồ.

(n) Ở ba nơi, bản sao chép chữ *Điền*, ý không hợp với câu. Chắc là chữ *Mặc*; lầm vì tự-dạng.

(o) Không rõ rằng xưa nói *hai chín* hay là đã sao sót chữ *mười*. *Khai thần thế quan*: mở quan tài lấy hài cốt rồi thay quan.

(p) Nguyên không thấy chép chữ *giờ*. Những chữ tôi tin rằng: đã bị sót đều đề trong dấu ngoặc đơn.

(q) *Mĩa*: tiếng cò nghĩa là chớ. Nay cũng còn dùng ở nhiều địa-phương.

(r) *Tin*: nghĩa là thành tín, kính tín.

(s) Theo câu này, ta hiểu rằng Trịnh Kiểm dùng hai tiếng *việc-chính* đề trở sự thu-thập hài cốt đề nhập quan. Hình như đó là lối nói kiêng một cách kính-trọng. *Gỗ vàng-tâm* là một thứ gỗ màu hơi vàng, khá nhẹ, nhưng không dễ mục.

(t) Tôi đề dấu phẩy trên tiếng *Vây*, vì xét ngôn-ngữ xưa, nhất là trong bức chỉ truyền này, tôi nhận thấy những câu nói thường bắt đầu bằng giới-từ, nó biểu-diễn sự liên-tục trong ý-chí.

(u) *Lẽ* : nghĩa là điều.

(v) Ở hai nơi, nguyên viết *cho lòng tỏ*. Tôi tin đã sót chữ *yên*, vì có chỗ khác trong bài dùng *cho yên lòng tỏ*.

(w) Câu này tôi không rõ nghĩa. Hoặc có chữ sai sót chăng ? Hoặc phải hiểu như sau : còn như đất đào lên khi cải táng, thì hãy hoàn lại trong huyết cũ. Như vậy thì phải đặt dấu phết sau tiếng *cải*.

(x) Nguyên viết chữ *Lai*. Chắc đó là chữ *Lỗi* 来, tự-dạng rất gần, và phải đọc *rồi*.

(y) *Biệt* : nghĩa là riêng. Ý chừng muốn bảo hãy cho kẻ khác về báo trước, còn người thì riêng tạm ở lại.

(z) *Ba giá ngựa* : trở đồ mã thay ba cỗ xe có ngựa kéo. Tiếng *biến hóa* dùng ở sau trở sự đốt mã.

(g) *Tư truyền* : nghĩa là nay truyền cho. Công-thức cuối tờ truyền.

Đại-ý lời truyền là khiến người thân-tín về quê cải táng mộ tổ (một hay nhiều mộ ?). Việc chọn đất đặt hướng thì có một thầy phong-thủy làm, việc ngoài thì có người giúp. Nhưng sự quan-trọng là không cho ai, kể cả thầy địa, biết chỗ cải táng là đâu. Mà táng thì táng đêm, giờ Hợi (từ 9 đến 11 giờ đêm) để khỏi người ngoài biết việc và biết chỗ. Lại dặn kĩ-càng ngày giờ thay quan tài, ngày hăm chín giờ Dần (từ 3 đến 5 giờ sáng) ; dặn làm các lễ cho long-trọng, dặn biên chép những mộng triệu, những điều trông thấy khi mở quan và dặn đốt mã trước khi về.

Đọc thư, ta thấy rằng Trịnh Kiềm, cũng như mọi người trong thời xưa, rất tin thuật phong-thủy, tin sự đặt mồ mã tổ tiên rất có ảnh-hưởng đến sự nghiệp của con cháu. Đọc các chuyện xưa, như trong sách *Công-dư tiếp-ký* thì đủ thấy. Theo khoa-học ngày nay thì đó chỉ là dị-đoan. Nhưng đứng về phương-diện tâm-lí thì chính đức tin vào phong-thủy khiến nên thuật ấy rất có ảnh-hưởng về sự

hành-động, vậy về sự-nghiệp, của con người xưa. Những điểm lạ, những hiện-tượng bất thường kể trong gia-phả chưa hẳn là đã được bịa ra. Đó có thể chỉ là những hiện-tượng thiên-nhiên, có duyên-do lý-học; nhưng với tâm-thần tin điểm thực thì con mắt thấy ra một cách dị-thường.

Trịnh Kiểm mồ côi từ khi sáu tuổi, chắc bị thất học hoàn-toàn. Đọc tờ truyền này, ta không hề thấy vết nho-học chút nào. Còn như trong *Thế-phả* chép câu trả lời của Trịnh Kiểm « *ngã ông tức nhược ông* » (lời Lưu Bang Hán Cao-tổ, chép trong *Sử-kí*), thì đó chẳng qua là con cháu đời sau dẫn lời sách để dịch một ý thường của y mà thôi.

Trái lại, lời thư Trịnh Kiểm rất hồn nhiên, như lời nói chuyện thường, nghĩa là không văn-hoa, không dàn-xếp. Ý lập, ý dứt rồi lại nối, ý ngầm rồi bỏ lửng. Lại hay dùng hư-từ, giới-từ làm câu nói có hình-thức liên-tục mà lời thành dây-dra. Bởi những điểm ấy, ta có đây một phản-ảnh của ngôn-từ thường-dân đời xưa khá chắc-chắn.

■ SỰ NGHIỆP TRỊNH KIỂM.

Tóm tắt sự nghiệp Trịnh Kiểm, theo *Trịnh-gia thế-phả*, *Trung-hưng thật-lục*, *Đại-Việt toàn-thư* và *Đại-Nam thật-lục*, thì ta nhận thấy như sau.

Quả thật Trịnh Kiểm xuất thân cố-cùng. Tuy tăng-tò Liễu có nho-học, đời ông không có nhịp học-hành. Sinh vào năm Quí-hợi đời Lê Hiến-tông (1503), lúc sáu tuổi đã mồ côi cha, phải đi chăn trâu. Năm mười sáu tuổi (1518) phải phiêu cư ở huyện Yên-mô vì phạm tội trộm trâu. Vào khoảng hăm lăm ba mươi tuổi (1527-1529), trở về huyện nhà coi chăn ngựa cho tướng Mạc, Ninh-bang hầu.

Lại trộm ngựa của chủ mà sang trốn ở doanh Nguyễn Kim. Được Nguyễn Kim cất nhắc, Kiểm theo đánh Mạc, được ban tước Dực-nghĩa hầu (*Tr. H.*), cưới con gái Nguyễn Kim (1533) rồi ban tước Dực quận-công (1539 — 37 tuổi).

Sau khi Nguyễn Kim bị đầu độc chết (Ất tị 1545), Kiểm thay Kim cầm tất cả quyền-bính (43 tuổi): được trao chức đô-tướng, tiết-chế tất cả các doanh thủy bộ, kiêm coi tất cả các việc quân,

việc trong triều ngoài quận, tước Thái-sư, Lạng quốc-công, được tiến nghi ban chức tước rồi tâu sau (T. Th. quyển 16/7b).

Lại « nghĩ rằng gốc lập nước cốt là được địa hình tốt, bèn chọn thắng-địa ở sách Vạn-lại mà lập hành-điện cho vua ở » (Tr. H. quyển L/6a). Ấy năm Bình-ngọ (1546 — T. Th. 16/8a). Trước đó chắc hành-tại ở Tây-đô (T. Th. 16/3a).

Rồi Kiểm củng-cố địa-phương, thu phục nhân-tâm. Lê Trang-tông mất (Mậu-thân 1548), con mới tám tuổi được lập, tức là Trung-tông. Tự-nhiên quyền-hành hoàn-toàn vào tay Trịnh Kiểm. Năm Canh-tuất (1550), các đại-thần Mạc, Lê Bá-Lân, Nguyễn Thuyến, các kiện-tướng như Nguyễn Quyện (con Thuyến) về theo Lê. Thế-lực Lê bành trướng.

Kiểm đưa quân ra gần đến Thăng-long (1551). Mở chế-khoa ở Thanh-hoa để chọn văn-thần (1554).

Kiểm đóng doanh ở làng mình : Biện-thượng (1554). Đánh lui đại-quân Mạc sai vào chiếm lại Thanh-hoa (1555).

Năm Bình-thìn (1556), Trung-tông mất, không con. Trịnh Kiểm muốn chiếm ngôi vua, nhưng chắc sợ lòng dân không thuận trong khi thế-lực mình còn yếu. Vì vậy sai Phùng Khắc-Khoan hỏi ý Nguyễn Bình-Khiêm. « Ông không đáp, chỉ ngoảnh bảo người nhà rằng : « Năm nay mất mùa, vì lúa giống không tốt. Chúng bay nên tìm lúa cũ mà gieo ». Lại bảo ra chùa, khiến kẻ coi chùa quét gịon và đốt hương. Ngoài ra không bảo gì nữa. Ý chừng bảo ý ngầm thờ Bụt để ăn oản. (Công-dư tiệp-kí, chuyện Bạch-vân am cư sĩ) Khắc-Khoan về gấp cáo lại. Thế-tò, Trịnh Kiểm, tình-ngộ, bèn lập Anh-tông.

Năm Đinh-tị (1557) Kiểm đại bại một lần nữa quân Mạc ở vùng Tống-son, nhưng khi kéo quân ra vùng Sơn-nam thì bị Nguyễn Quyện, bấy-giờ đã trở về theo Mạc (bị trúng kế của Nguyễn Bình-Khiêm), đánh tan.

Năm Mậu-ngọ (1558), sự nghi-kị đối với con cái Nguyễn Kim càng tăng. Con đầu Nguyễn Kim, là Nguyễn Uông, đã bị hại. Nguyễn Hoàng, theo chỉ-giáo Nguyễn Bình-Khiêm và nhờ chị ruột Ngọc-Bảo là vợ Trịnh-Kiểm, được sai vào trấn Thuận-hóa. Trịnh Kiểm bắt đầu chiến-sách đánh vòng lên phía tây bắc và đông bắc Thăng-long (1559, 1560), nhưng danh-tướng Mạc

là một thân-vương Mạc Kính-Điền đem thủy-quân đánh úp vào Thanh-hoa, bắt buộc Kiểm phải rút quân trở về Tây-đô.

Năm Kỉ-tị (1559), Kiểm được phong thượng-tướng *Tái quốc-công*, lại tôn là Thượng-phụ. Nguyễn Hoàng từ Thuận-hóa ra yết. Nhưng Kiểm bị ốm. Biết mình bệnh nặng, Kiểm tự giao binh-quyền cho con dâu là Trịnh Cối, đây Nguyễn Hoàng trở về Thuận-hóa. Rồi ngày 18 tháng hai năm Canh-ngọ (1570), bèn mất, thọ 68 tuổi. Được tôn tước *Minh-khang Thái-vương*, và thụy Trung-huân (*T. Th.* 16/26b). Táng ở làng Biện-thượng, chỗ *Đường-cán* ở núi *Hùng-linh*.

Xét lại, ta thấy Trịnh Kiểm chưa từng được phong vương, hoặc nói cho đúng hơn thì không từng tự xưng vương. Nhưng từ năm Ất-tị (1545), sau khi nối nhạc-phụ giữ chức thái-sư, thì đã tự coi mình ở địa-vị vương. Bức chỉ truyền kia có lẽ viết vào năm ấy. Trong *Thế-phả*, liền sau bài ấy, có chép năm Ất-tị (1545) chép làm ra Kỉ-tị, vì tự-dạng), bấy giờ ông bốn mươi ba tuổi. « Ỗ chừng đó là năm sai cải-táng phần-mộ tổ tiên. Hai tiếng *chỉ truyền* tỏ rõ rằng Trịnh Kiểm đã coi mình là bực vương-giả thật.

Ngày nay, tất-nhiên ta không tin rằng nhờ mộ tổ mà họ Trịnh làm chúa tề trên bắc-phần nước ta trong 240 năm và truyền hơn mười đời. Nhưng ta cũng phải lấy làm lạ rằng trong một xã-hội thắm nhuần nho-giáo, với sĩ-phu luôn đề chữ trung-quân làm đầu, mà vua Lê chỉ có hư-vị, bầy tôi là chúa Trịnh lại nắm hết mọi quyền. Thế mới biết rằng cái nghị-lực kiên-cường, cái ý-chí tráng-dũng của Trịnh Kiểm đã đánh bật quan-điền luân-lí trong trường chính-trị nước ta trong lâu năm.

Cái nghị-lực ấy có kết-quả tai-hại cho dân-tộc ta, là gây nên hai cuộc nội-chiến lâu dài: Trịnh Mạc và Trịnh Nguyễn và chỉ « đem thân trăm họ làm công một người ». Tuy vậy, nó cũng có một kết-quả hay nhưng bất ngờ: Nguyễn Hoàng vào phương Nam gây mọi đầu của sự bành-trướng văn-hóa và dân-tộc Việt-nam vào góc Đông-nam châu Á, bành-trướng mạnh nhất trong khoảng hưu-binh gần một trăm năm giữa Bắc và Nam. Hậu-quả sự ấy chính là thời-cuộc khốc-liệt ngày nay ở góc đất này.

Paris, mùa hè năm 1966
HOÀNG XUÂN-HÃN